

BẢN VỀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG MỘT NỀN I HỌC MỚI CỦA VIỆT-NAM

PHẠM BÁ CƯ

Nếu Đảng ta đã vạch rõ con đường tiến lên của i học Việt-nam như đã nói trong bài trước (Tạp chí *Hoạt động Khoa học* số 9-1972) thì chính Đảng ta cũng đã chỉ rõ phương hướng xây dựng một nền i học mới của Việt-nam :

« Trong quá trình đấu tranh với bệnh tật hàng nghìn năm, dân tộc ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu và đã xây dựng được một nền i học có giá trị lớn trong việc phòng bệnh và chữa bệnh. Với những phương thuốc độc đáo, đông i đã chữa được nhiều bệnh thông thường của dân ta và một số bệnh khó mà tây i chưa tìm được phương thuốc có hiệu quả. Nếu biết thừa kế, phát huy vốn quý đó của dân tộc và kết hợp với nền i học hiện đại, thì chúng ta có thể xây dựng được một nền i học Việt-nam có đầy đủ tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng và góp phần vào kho tàng i học thế giới. Vì vậy, việc nghiên cứu thừa kế đông i và kết hợp đông i và tây i là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của công tác i tế » (Chỉ thị 21 CP ngày 19-2-1967).

Khẳng định sự đúng đắn của phương hướng trên đây, bản dự thảo đề cương Cách mạng khoa học và kĩ thuật trong i học nhấn mạnh : « Một trong những đặc điểm Việt-nam nổi bật mà Đảng đã nêu ra trong đường lối nghiên cứu khoa học i học là kết hợp đông i và tây i. Đường lối chung của Đảng đã rõ ràng, xuất phát từ chỗ Đảng ta có một nhận thức sâu sắc về vị trí của i học nước ta trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt-nam qua mấy nghìn năm. Đây là con đường tất yếu mà i học Việt-nam phải trải qua, để dần dần được xây dựng trở thành một nền i học dân tộc độc lập ».

Về cách thực hiện đường lối đó, bản dự

thảo đề cương Cách mạng khoa học và kĩ thuật trong i học cũng đã nêu rõ : « Trên tinh thần thừa kế và phát huy cao độ di sản quý báu của dân tộc về cả hai mặt i và được, về tổ chức cũng như về kĩ thuật, về lí luận cũng như về thực hành, chúng ta sẽ hết sức tập trung nghiên cứu i học cổ truyền và kinh nghiệm dân gian. Dựa vào những kiến thức hiện đại nhất, chúng ta sẽ đi sâu vào đông i thực nghiệm, dần dần đưa việc kết hợp đông i và tây i đến một trình độ khoa học cao, từ đó xây dựng một nền i học thống nhất của Việt-nam, có một cơ sở thực tiễn và lí luận vững chắc. Chúng ta tin tưởng việc nghiên cứu sâu i học cổ truyền sẽ đề ra cho chúng ta nhiều vấn đề mới có khả năng mở đường giải quyết một số vấn đề mà i học thế giới ngày nay còn đang gặp nhiều khó khăn lớn ».

Tuy nhiên, như bản dự thảo đề cương Cách mạng khoa học và kĩ thuật trong i học đã nêu rõ : « Trong quá trình vận dụng đường lối, hiện nay chúng ta còn có một số quan điểm chưa thống nhất, nhất là về mặt phương pháp thực hiện. Chúng ta còn đang mò mẫm tìm phương pháp cụ thể, thống nhất hướng dẫn mọi người cùng thực hiện kết hợp đông i và tây i. Nhưng hiện nay cách làm có khi chưa có tính chất thuyết phục, cũng có đồng chí chưa thật thông suốt một vài điểm mà chưa dám thảo luận... ».

Nguyên nhân sự chưa thống nhất đó đã được Đảng ta phân tích rõ : « Nhiều cán bộ chưa thấy hết vị trí và giá trị của đông i, chưa thấy cần phải dựa trên cơ sở kết hợp đông i và tây i mới xây dựng được một nền i học dân tộc và hiện đại; còn tư tưởng không tin đông i,

coi thường kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh dân gian, coi thường thuốc nam, nói chung là chưa quán triệt quan điểm kết hợp đông y và tây y của Đảng và Chính phủ» (Chỉ thị 21 CP).

Tóm lại, phương hướng xây dựng một nền y học mới của Việt-nam đã được Đảng ta chỉ rõ và đã được khẳng định trong bản dự thảo đề cương Cách mạng khoa học và kĩ thuật trong y học. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phương hướng đó, chúng ta còn gặp một số khó khăn mà chủ yếu là chưa thống nhất về một số quan điểm, hay nói một cách khác, là về quan hệ y học giữa đông y và tây y.

Vấn đề thứ nhất cần được giải quyết là *quan hệ y học giữa đông y và tây y*.

Qua trình bày ở trên, rõ ràng có mâu thuẫn tư tưởng giữa đông y và tây y, xuất phát từ sự không thống nhất quan điểm y học. Trong hàng ngũ cán bộ chúng ta còn không ít người cho rằng đông y không khoa học, do đó không tin đông y, không tin đường lối kết hợp đông y và tây y, và càng không tin vào khả năng thống nhất cả hai nền y học.

Vì vậy, cần phải chứng minh đông y là khoa học, quan hệ y học giữa đông y và tây y là có thật, sự kết hợp giữa đông y và tây y là có lợi cho cả hai bên. Và một cái «lợi» cao nhất là bằng cách đó, chúng ta mới có thể «xây dựng được một nền y học Việt-nam có đầy đủ tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng và góp phần vào kho tàng y học thế giới», như chỉ thị 21 CP đã chỉ rõ. Cũng cần khẳng định: sự thống nhất hai nền y học là một khả năng có thể trở thành hiện thực.

Muốn vậy, vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định là chọn phương pháp nghiên cứu thích hợp. Trên phương diện đó, bản dự thảo đề cương Cách mạng khoa học và kĩ thuật trong y học đã nói rõ quan điểm của ngành ta: «Dựa vào những kiến thức hiện đại nhất, chúng ta sẽ đi sâu vào đông y thực nghiệm, dần dần đưa việc kết hợp đông y và tây y đến một trình độ khoa học cao, từ đó xây dựng một nền y học thống nhất, có một cơ sở thực tiễn và lí luận vững chắc».

Đó là một cách làm đúng đắn, vững chắc, nhưng thời gian thì sẽ quá dài. Đông y thực nghiệm là một hướng nghiên cứu cần thiết, có giá trị về lâu dài nhưng một mình nó thì không đủ. Muốn đi nhanh, cần tìm thêm một

Quan điểm chưa thống nhất đó là một trở ngại lớn cho việc thực hiện đường lối y học của Đảng nhằm xây dựng một nền y học mới của Việt-nam để hoàn thành sự nghiệp cách mạng y học của nước ta. Vì vậy, cần có những biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn đó. Một trong những biện pháp tốt nhất, theo tôi nghĩ, và đã nói rõ trong bài trước (Con đường tiến lên của y học Việt-nam*) là đẩy mạnh các công trình nghiên cứu lí luận cơ bản nhằm tiến tới xây dựng một lí luận mới làm tiền đề cho nền y học mới của Việt-nam. Đó là con đường đi tắt mà dưới đây là vài ví dụ cụ thể về những vấn đề cần được giải quyết.

hướng khác ít tốn kém, lại thích hợp với hoàn cảnh nước ta, với xu thế phát triển của y học trên thế giới hiện nay.

Đông y là một nền y học có tính chất tổng hợp vì nó được xây dựng trên cơ sở quan niệm biện chứng: cơ thể thống nhất với hoàn cảnh. Bị chi phối bởi chủ nghĩa duy vật biện chứng tự phát, nó quan niệm vật chất (khí và huyết) là cơ sở của mọi hoạt động trong cơ thể, kể cả hoạt động tinh thần. Với khuynh hướng cho rằng năng lượng (khí) quyết định sự tuần hoàn của thể dịch (huyết), nó nghiêng về lí sinh hơn là hóa sinh. Đặc biệt nữa, nó cho rằng mọi chuyển hóa và chức phận trong cơ thể đều bị chi phối bởi tác dụng điều khiển, điều hòa và thống nhất của một hệ thống tuần hoàn năng lượng (circulation de l'énergie) gọi là hệ kinh lạc (système des méridiens) hoạt động theo nhịp điệu ngày—đêm (rythme nyctéméral) mà đông y xem như một qui luật sinh học cơ bản.

Bởi tính chất, bản chất và đặc điểm sinh học đó, nếu ứng dụng phương pháp phân tích của hóa sinh vào nghiên cứu đông y thì chỉ có tác dụng giải thích hoặc chứng minh giá trị thực tiễn chữa bệnh của đông y, chứ không có khả năng chứng minh tính chất khoa học của bản thân đông y. Trái lại, áp dụng lí sinh thì rất thích hợp, đặc biệt là nghiên cứu về điện sinh vật kết hợp với phương pháp tổng hợp của môn lí sinh lí thuyết, và tốt nhất là điều khiển học.

Trên cơ sở nhận thức đó, chúng tôi đã vận dụng điều khiển học vào châm cứu để giải thích cơ chế tác dụng, đồng thời tìm hiểu thực chất của nó. Nhờ đó, chúng tôi đã phát hiện châm cứu không phải gì khác là một

* Tạp chí hoạt động khoa học số 9-1972

khoa học điều khiển cổ đại mà « kinh lạc » là hệ thống thông tin (réseau d'information), và từ đó có thể khẳng định rằng, châm cứu có khả năng tiến lên hiện đại, tức là trở thành một khoa học điều khiển hiện đại, một mô hình sinh học của điều khiển học.

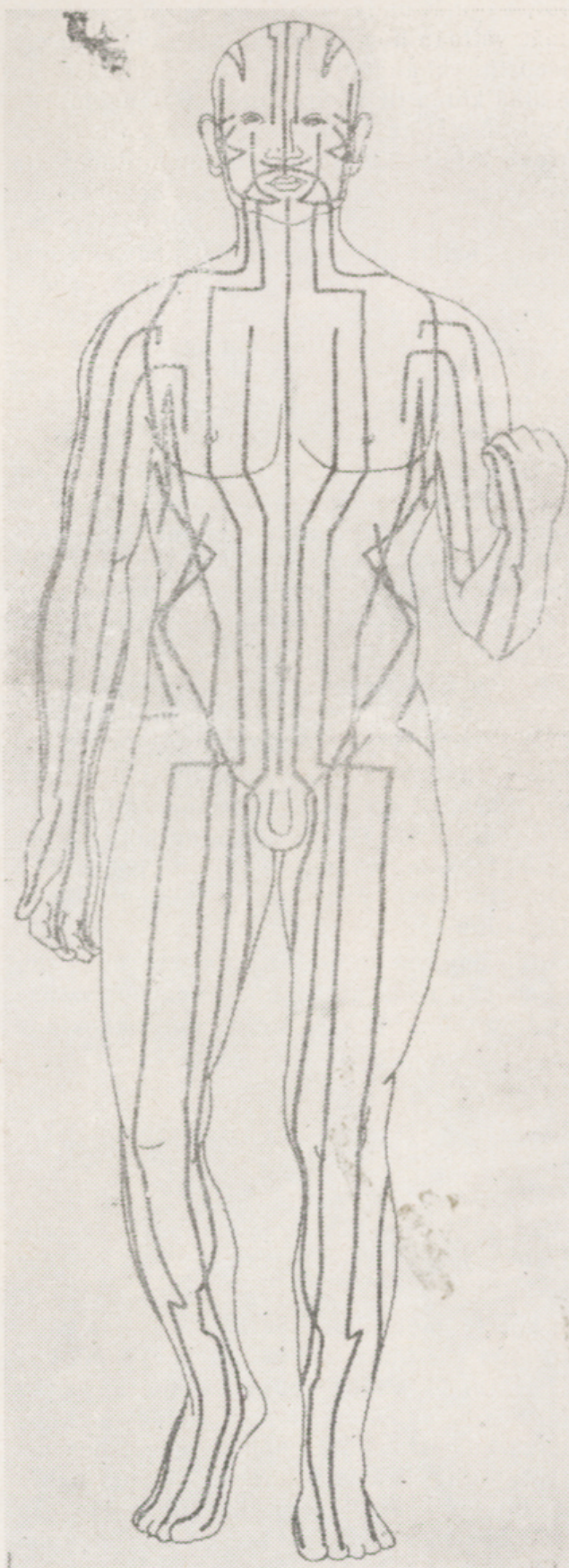
Hướng nghiên cứu đó cho phép chúng tôi xây dựng một lí luận mới về châm cứu trên cơ sở coi bệnh như một đảo lộn cấu trúc thông tin. Sau khi đã được ứng dụng vào lâm sàng chữa bệnh, châm cứu tỏ ra có khả năng đạt đến một trình độ kĩ thuật cao với một hiệu lực thực tiễn lớn, có thể áp dụng rộng rãi theo phương pháp thực nghiệm thích hợp với hoàn cảnh nước ta. Chúng tôi rất tán thành ý kiến của một nhà khoa học của ta đã nêu rõ:

« Có thể đón hai đầu của một quá trình, ví dụ như phương pháp « hộp đen ». Hay nói rộng hơn, như các phương pháp thực nghiệm mà ta áp dụng trong kĩ học và nông học, như nghiên cứu về bèo hoa dâu, về giống lúa mà ta thí nghiệm qui mô lớn, vận động hàng triệu nông dân, chứ không nghiên cứu về mặt sinh vật học phân tử đòi hỏi những phương tiện hiện đại như kính hiển vi điện tử, máy siêu li tâm, v.v... Nhưng muốn làm như vậy phải có lí luận vững, phải xác định kĩ lưỡng các giả thuyết để biết rõ mình định làm thí nghiệm gì, nhằm đạt kết quả gì, để chứng minh giả thuyết nào. Các nghiên cứu đông y, nông nghiệp và kĩ học có lẽ phải theo phương hướng này » (Tạ Quang Bửu—Một vài ý kiến về phương pháp nghiên cứu khoa học trong hoàn cảnh nước ta).

Hướng nghiên cứu nói trên cũng phù hợp với xu thế phát triển của kĩ học thế giới hiện nay, như nhà toán học nổi tiếng Liên-xô A.N. Kôn-mô-gô-rôp, trong một bài báo đã viết:

« Cách đây không lâu, trong một buổi họp mặt tại Câu lạc bộ các nhà văn ở Mát-xcơva, đã có người đứng trên diễn đàn nói rằng trong thời đại chúng ta cần phải sáng tạo ra và sự thực đã sáng tạo ra một thứ kĩ học mới — thứ kĩ học mới ấy không phải là của riêng và đề tài nghiên cứu của các nhà kĩ học nữa, mà là của các nhà nghiên cứu về điều khiển tự động.

« Theo ý nhà diễn giả ấy thì điều quan trọng nhất trong kĩ học đấy là các quá trình toàn hoàn xảy ra trong cơ thể con người. Và những quá trình ấy chính là diễn đạt bằng các phương trình vi phân được nghiên cứu trong lí thuyết về điều khiển tự động. Vì vậy theo ý ông ta thì việc nghiên cứu kĩ học trong các trường đại học kĩ học ngày nay đã trở thành lỗi



HỆ KINH LẠC

thời, và phải chuyển về cho các học viện kĩ thuật và toán học. Chúng ta nói rằng điều mà ta có thể khẳng định là các nhà chuyên gia về điều khiển tự động có thể góp tiếng nói của mình để giải quyết một số vấn đề cá biệt đặt ra cho i học. Nhưng nếu họ muốn tham gia vào công việc ấy, thì trước hết họ phải học rất nhiều về i học, bởi vì số kinh nghiệm mà i học — ngành khoa học cổ đại nhất của loài người — đã thu thập được là vô cùng to lớn, và muốn làm nên được một tí gì có giá trị thì trước hết phải nắm vững ngành khoa học ấy» (*Những máy tự động và đời sống* — Tạp chí *Hoạt động khoa học*, số 3-1962, tr. 26).

Về sinh vật học, tây i đã phát hiện được hai hệ thống có tác dụng điều hòa và thống nhất các chức phận trong cơ thể. Đó là hệ thống tín hiệu thần kinh (*systeme de signalisation nerveuse*) và hệ thống tín hiệu thể dịch (*systeme de signalisation humorale*). Hiện nay trong giới i học phương Tây, người ta đang tập trung nghiên cứu hệ thống tín hiệu thần kinh dưới ánh sáng của thuyết thông tin và điều khiển học. Thứ i học mới mà Kôn-môgôrôp nói đến chính là thứ i học đó. Nhưng đông i phát hiện thêm một hệ thống tuần hoàn khác, có khả năng bổ sung cho hai hệ thống của tây i. Đó là hệ thống kinh lạc đã nói ở trên mà chúng ta có thể gọi là « hệ thống tín hiệu năng lượng » (*systeme de signalisation énergétique*).

Hiện nay, hệ thống thứ ba này đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà khoa học và bác học trên thế giới. Việc chứng minh khoa học

cho sự tồn tại của nó sẽ có một ý nghĩa cách mạng rất lớn trong i học và sinh vật học. Vì vậy, chúng tôi mong rằng các chuyên gia về điều khiển tự động và các nhà làm khoa học tự nhiên khác của ta sẽ quan tâm đến nó, không những để mở rộng thêm phạm vi nghiên cứu của mình mà còn góp phần xây dựng nền i học mới của Việt-nam, đồng thời góp phần cống hiến cho i học thế giới.

Châm cứu là cái cầu nối liền giữa đông i và tây i. Chỉ cần đi qua cái cầu đó là đã thấy cả một chân trời mới lạ. Chân trời này đã thu hút biết bao nhà khoa học và bác học trên thế giới. Vì rất khâm phục châm cứu, có người đã thốt ra: « Thế mà cách đây trên sáu nghìn năm, hầu hết các phát minh hiện nay về sinh vật học đã ở trong tay một số người khá đông mà tư tưởng, sinh hoạt và chữ viết là một trở ngại lớn cho việc tìm hiểu của phương Tây » (bác sĩ Jean Barsarello, tạp chí *Méridiens* số 1 và 2 năm 1968).

Trên đây là một vài ý kiến về cách giải quyết vấn đề quan hệ i học giữa đông i và tây i. Đó là tìm con đường ngắn nhất để cho đông i tiến lên hiện đại, để cho cán bộ tây i đi vào đông i, để cho các chuyên gia về điều khiển tự động và các nhà làm khoa học tự nhiên khác của ta có thể đến với đông i. Và đó cũng là con đường ngắn nhất để chúng ta đuổi kịp i học thế giới. Vì vậy, « Tăng cường công tác đông i » như chỉ thị 101 TTg đã nhấn mạnh là một chủ trương rất sáng suốt của Đảng ta.

Vấn đề thứ hai cần được giải quyết là *quan hệ triết học giữa khoa học xã hội và khoa học i học*.

I học là một khoa học bản lề ở vào ranh giới giữa các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Do đó, không những nó phụ thuộc vào khoa học tự nhiên mà còn phụ thuộc vào khoa học xã hội. Đảng ta đã nói rõ, nền i học mà ta xây dựng là nền i học xã hội chủ nghĩa (Chỉ thị 101 TTg). Vậy sự khác nhau căn bản giữa i học xã hội chủ nghĩa và i học hiện đại là ở chỗ nào?

Giữa i học xã hội chủ nghĩa và i học hiện đại có sự khác nhau căn bản trên cả hai phương diện: tính chất và bản chất. Đảng ta đã nói rõ, nền i học Việt-nam phải có đầy đủ

tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tính chất dân tộc và đại chúng thì đã rõ và dễ hiểu, nhưng tính chất khoa học thì cần được bàn kĩ: khoa học theo quan điểm duy vật biện chứng hay theo quan điểm duy vật máy móc? Đó chính là sự khác biệt về bản chất, và đó cũng là mấu chốt của vấn đề quan hệ triết học giữa khoa học xã hội và khoa học i học.

Về chính trị, như chúng ta đều biết, thế giới đang chia làm hai phe đối lập: phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản chủ nghĩa. I học không mang tính chất giai cấp, nhưng cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt trên thế giới hiện nay có phản ánh vào i học. Do đó, trên thế giới và trong lĩnh vực i học, đang hình thành hai trận tuyến đối lập bởi xu hướng căn bản

khác nhau: *i học số lượng* chỉ phối bởi chủ nghĩa duy vật máy móc, và *i học chất lượng* chỉ phối bởi chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Đây cũng là vấn đề « ai thắng ai » trên lĩnh vực *i học*. Cho nên, trên phương diện này, *i học* Việt-nam ta không thể có một thái độ bàng quan mà phải biểu thị lập trường của mình, khẳng định quan điểm *i học* của mình, và đặc biệt là phát huy tinh thần cách mạng tiến công trên mặt trận khoa học này. Muốn vậy, chúng ta cần phải tận dụng và phát huy ưu thế cơ bản của ta mà cụ thể là vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu tình hình *i học* thế giới: một mặt, phân tích những mâu thuẫn giữa các xu hướng *i học* khác nhau; mặt khác, tìm hiểu qui luật phát triển của *i học* nói chung để trên cơ sở đó có thể xác định xu thế phát triển tất yếu của *i học* thế giới.

Một đặc điểm cơ bản của tình hình *i học* trên thế giới hiện nay là sự song song phát triển của nhiều nền *i học* có xu hướng khác nhau, trong đó có cả *i học* hiện đại và *i học* cổ truyền. Tiêu biểu cho *i học* hiện đại là tây *i* và *i học* tiên tiến của Liên-xô mà trung tâm là học thuyết Paplôp. Tượng trưng cho *i học* cổ truyền là đông *i* và nền *i học* Hipocrat (*i học* cổ truyền của Hi-lạp và là nguồn gốc của tây *i*).

Một hiện tượng đáng chú ý là trong mấy chục năm qua, đông *i* mà tiêu biểu là châm cứu phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Trước bước phát triển mới của *i học* hiện đại, tuy là một khoa học cổ đại, châm cứu đã không bị lu mờ mà vẫn tiếp tục phát triển, thậm chí còn « bành trướng » mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Tại hội nghị châm cứu quốc tế lần thứ 10 họp năm 1959, bác sĩ De la Fuye, cố chủ tịch Hội châm cứu quốc tế, sau khi công bố việc Viện hàn lâm *i học* Pháp công nhận khoa châm cứu, đã khẳng định rằng: « Để ra từ thời đại đồ đá, châm cứu còn tồn tại đến nay và tiếp tục phát triển trong thời đại nguyên tử ». Châm cứu thu hút ngày càng nhiều các nhà khoa học và bác học trên thế giới. Giáo sư Laubry, cố chủ tịch Viện hàn lâm *i học* Pháp, đã phải thừa nhận rằng: « Có những trường hợp mà tây *i* thất bại, nhưng *i học* Trung-quốc, đặc biệt là châm cứu đã chữa khỏi rất dễ dàng » (Tạp chí Châm cứu quốc tế số 47 năm 1959).

Đi đôi với đông *i*, ở một số nước chịu ảnh hưởng nền văn minh latin như Pháp, Ý, các nước ở châu Mỹ la tinh v.v..., phong trào phục hưng *i học* Hipocrat gọi là phong trào tân *i học* Hipocrat (*mouvement néohippocratique*) đang phát triển khá mạnh. Tại hội nghị

quốc tế lần thứ 8 về nội khoa họp tại Buenos Aires năm 1964, giáo sư Mariano de Castex đã tố cáo: « Trong những năm gần đây sự xâm lấn của kỹ thuật học khoa học (*technologie scientifique*) vào lĩnh vực nội khoa đã lên tới điểm cao nhất, làm mất nhân tính người bệnh (*déshumanisation du malade*) và tư cách người thầy thuốc (*dépersonnalisation du médecin*). Trước tình hình đó, truyền thống lâm sàng cổ điển (*traditionnalisme clinique*) đã đứng lên bênh vực những đặc quyền của quan sát lâm sàng sáng ngời bởi uy tín của 25 thế kỷ vô cùng phong phú ».

Trong lúc đông *i* và phong trào tân *i học* Hipocrat phát triển mạnh mẽ trên thế giới thì *i học* hiện đại có một bước phát triển mới. Đó là sự ra đời của sinh vật học phân tử với một quan niệm mới về bệnh lý học, cho rằng bản chất bệnh là « bệnh của phân tử » (Pauling). Đó là « sinh vật học và bệnh lý học số lượng » (*quantitative biology and pathology*) tiêu biểu xu hướng *i học* Anh — Mỹ.

Tuy nhiên, trong lúc ở Anh và Mỹ có khuynh hướng cho rằng việc giải mã di truyền (do các nhà sinh học Mỹ tiến hành trong thời gian 1961 — 1963) là những thành tựu tuyệt vời, thì ở Liên-xô đã xuất hiện một xu hướng đối lập, cho rằng « sự sinh trưởng, sự sinh sản của tế bào được điều hòa bởi các kích thích tố và phụ thuộc vào những qui luật phát triển chung của một cơ thể » (L.A. Nicôlaep). Đó là *i học* chất lượng dựa trên cơ sở triết học duy vật biện chứng và học thuyết Paplôp, tượng trưng cho xu hướng tổng hợp của *i học* Liên-xô.

Giữa xu hướng *i học* Anh—Mỹ và xu hướng *i học* Liên-xô đã và đang diễn ra một cuộc xung đột ngày càng trở nên gay gắt, tạo thành hai trận tuyến đối lập rất rõ rệt. Phía Anh—Mỹ « có khuynh hướng đem đối lập việc nghiên cứu lý hóa ở vật thể sống với học thuyết phản xạ của Setchenôp—Páplop, coi thuyết đó là lỗi thời, không phù hợp với trình độ nghiên cứu của khoa học hiện đại » (Erockin). Phía Liên-xô, để trả lời sự công kích đó, P.K. Anôkhin, một nhà khoa học có tiếng của Liên-xô đã viết: « Dù chúng ta có phân tích kỹ lưỡng đến thế nào đi chăng nữa (các quá trình diễn ra ở tế bào thần kinh), dù dụng cụ phân tích của chúng ta tinh vi đến mức nào đi chăng nữa, thì việc phân tích đó đối với chúng ta cũng vẫn là vô ích, nếu ở một mức độ nào đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, nó không giúp chúng ta giải quyết được vấn đề: những tập tính phản xạ có điều kiện trong cơ thể toàn vẹn của con người đã hình thành như thế nào? » (Erockin).

Sự xung đột giữa i học hiện đại và đông y cũng diễn ra gay gắt. Thậm chí có người đã viết báo đả kích đông y ra mặt, phủ nhận hoàn toàn giá trị của nó, cho rằng « Đó là một nền i học có thể chữa khỏi những bệnh tưởng tượng và những bệnh không chữa cũng tự khỏi » (Bài của sáu giáo sư người Pháp đăng trên báo « *Thế giới* » ngày 18-11-1958 dưới đầu đề « Cách mạng i tế Trung-quốc »). I học Hipocrat cũng bị đả kích kịch liệt. Trong giới các chuyên khoa, có khuynh hướng cho rằng : « I học tổng quát — mà tượng trưng là i học Hipocrat — là một tàn dư của quá khứ, sẽ bị tiêu diệt vì nó không đem lại gì mà các chuyên khoa không thể làm tốt hơn » (Claude Laroche).

Sự xung đột không phải chỉ nổ ra giữa các nền i học có xu hướng khác nhau, mà còn diễn ra ngay trong bản thân i học hiện đại, giữa rất nhiều thuyết khác nhau. Có thuyết đề cao vai trò các tuyến nội tiết như thuyết Eppinger và thuyết Selye. Có thuyết đề cao vai trò của thần kinh thực vật như thuyết Reilly. Có thuyết đề cao vai trò của hệ thống nội vớng mạc (système reticuloendothélial) như một số thuyết về miễn dịch học. Có thuyết đề cao vai trò của tổ chức liên kết (tissu conjonctif) như thuyết Bogomoletz. Có thuyết đề cao vai trò của não trung gian (diencéphale) như thuyết tâm thân (psychosomatique). Có thuyết đề cao vai trò của cấu tạo lưới (formation réticulaire) như thuyết Moruzzi và Megoun. Thậm chí có thuyết đề cao vai trò của « tiềm thức » trong bệnh lí học như thuyết Freud v.v... Chính vì không có một hướng nhất định mà i học hiện đại phát triển tự do theo nhiều hướng khác nhau. Điều đó nói lên sự phong phú của i học hiện đại nhưng đồng thời cũng nói lên chỗ yếu căn bản của nó là nặng về phân tích, như Leriche — một nhà ngoại khoa nổi tiếng người Pháp đã nói : « Say sưa với phân tích và mới lạ, i học khao khát được một phút tổng hợp. Để được hồi sức, nó muốn trở về với Hipocrat ».

Tình hình rối ren, lộn xộn của i học thế giới như trình bày ở trên không khác gì cái cung mê lộ trong thần thoại Hi-lạp.

Đâu là chân lí ? Và làm thế nào tìm ra sợi chỉ Arian dẫn đường để có thể đi vào đó mà không bị lạc ? Sợi chỉ dẫn đường đó, chỉ có thể tìm thấy trong phép biện chứng, vì xét đến cùng, mọi sự vật đều diễn ra một cách biện chứng chứ không phải siêu hình.

Phép biện chứng có thể giúp ta đi sâu vào bản chất của mỗi nền i học, trước tiên là

nền i học hiện đại, để tìm hiểu tại sao càng phát triển nó càng mâu thuẫn sâu sắc với các nền i học khác ; đồng thời để thấy ở đó dấu hiệu báo trước những chuyển biến lớn sắp tới, có khả năng dẫn tới bước nhảy vọt cách mạng trong i học mà nhiều nhà bác học trên thế giới đã tiên đoán từ lâu.

I học hiện đại là sự kế tục truyền thống i học Hipocrat Nó ra đời ở thế kỉ XVI vào thời đại Phục hưng, và trong điều kiện thuận lợi của nền sản xuất mới, tư bản chủ nghĩa. Nó bị chi phối bởi chủ nghĩa duy vật máy móc của các nhà triết học duy vật thế kỉ XVII mà đại biểu xuất sắc là F. Bacon (người Anh) và R. Descartes (người Pháp). Do đó i học hiện đại ngày càng đi sâu vào phân tích. Mặt khác, khởi xướng ra nhị nguyên luận (dualisme), Descartes đem đối lập thể chất với tinh thần, coi đó là hai thực thể phủ định lẫn nhau, không dung hòa với nhau.

Nói về nhị nguyên luận và hậu quả của nó, Alexis Carrel — nhà bác học người Pháp được giải thưởng Nobel đã viết : « Sai lầm đó đưa nền văn minh chúng ta lên con đường dẫn đến sự thắng lợi của khoa học và sự đồi trụy (déchéance) của con người ». Và tác giả kết luận : « Chúng ta gạt bỏ nhị nguyên luận của Descartes. Tinh thần sẽ nhập cục trở lại (ré-intégré) với vật chất. Tâm hồn sẽ không tách rời cơ thể » (*Con người, kẻ xa lạ ấy* — tr. 339).

Nhị nguyên luận là mâu thuẫn nội tại nằm trong bản chất của i học hiện đại, mâu thuẫn mà nó không thể tự giải quyết được, và tất yếu sẽ dẫn nó đến một cuộc khủng hoảng không sao tránh được. Cuộc khủng hoảng đó đã được nhiều nhà khoa học nước ngoài (Resebury, Fedôrôp, Klotz...) nói đến dưới đầu đề « Cuộc khủng hoảng i học ở thế kỉ XX ».

Với nhận thức trên đây về bản chất của i học hiện đại, chúng ta có thể tìm hiểu bước phát triển mới của nó. Muốn đánh giá một cách khách quan cần xét trên cả hai mặt : mặt khoa học và mặt phiên diện phần khoa học của i học hiện tại.

Về mặt khoa học của nó, chúng ta có thể tìm thấy những ví dụ cụ thể trong sinh học như việc đem lại những hiểu biết mới về bệnh ở mức độ phân tử, về mặt mã di truyền, về vai trò quyết định của axit nucleic (ADN và ARN) trong sinh tổng hợp prôtít trong tế bào v.v... ; trong sinh lí học như việc xác định khi không có những xung động từ « cấu tạo lưới » thì vỏ não lâm vào trạng thái ức chế làm ngưng hoạt động thần kinh cao cấp (hoạt động tâm lí). Nó đã xác minh luận điểm Paplôp cho rằng « vỏ não được duy trì ở

trạng thái hoạt động linh hoạt bằng các xung động rất mạnh từ dưới vỏ não» (Tập III; q.2, tr. 119).

Nhưng bên cạnh mặt khoa học đó, thể hiện ngày càng rõ rệt mặt phiến diện của nó. Một ví dụ là, do chỉ nhìn quan hệ xuôi mà không thấy liên hệ ngược giữa cấu tạo lưới và vỏ não, nó đề cao đến cực đoan vai trò của cấu tạo lưới, đi đến phủ nhận gần như hoàn toàn vai trò của vỏ não trong quá trình hình thành ý thức, tức là hoạt động tinh thần. Một ví dụ điển hình khác là, đề cao quá mức vai trò độc tôn của ADN trong các quá trình sống, nó đi tới phủ nhận các yếu tố khác của tế bào, của cơ thể, của môi trường ngoài, tức là tách nó ra khỏi mối quan hệ biện chứng giữa các sự vật. Đó là cách xem xét siêu hình « chỉ thấy những sự vật cá biệt mà không thấy mối liên hệ giữa những sự vật ấy; chỉ thấy sự tồn tại của sự vật mà không thấy sự sinh thành và sự tiêu vong của sự vật; chỉ thấy trạng thái tĩnh của sự vật mà không thấy trạng thái động của sự vật; chỉ thấy cây mà không thấy rừng » (Anghen — Chống Đurinh)

Đặc biệt nữa là, mặt phiến diện đó không những thể hiện ngày càng rõ rệt mà còn ở mức độ ngày càng cao. Vì, với sự ra đời của sinh vật học phân tử, i học hiện đại đang đi vào giai đoạn phát triển mới, cao hơn, của học thuyết tế bào của Virchow, tức là giai đoạn phát triển cao hơn của tư duy siêu hình.

Hơn nữa, với sự ra đời của sinh vật học phân tử, i học hiện đại cũng đang đi vào giai đoạn phát triển cao hơn nếu chưa phải là tột cùng của nhị nguyên luận. Vì, xác minh vai trò quyết định của axit nucleic trong sinh tổng hợp prôtít, tức là cơ sở vật chất, nó đối lập với thuyết « cấu tạo lưới » — một thuyết về hoạt động thần kinh cao cấp, tức là hoạt động tinh thần. Như vậy là, vật chất và tinh thần vẫn bị tách rời, không thể đi đến thống nhất được trong một bộ phận nhất định, hay một học thuyết duy nhất.

Những phân tích trên đây nói lên một điều quan trọng là hiện nay, i học hiện đại có chiều hướng đang đi vào giai đoạn phát triển cao nhất của nó, giai đoạn tột cùng, để chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời của một hướng nghiên cứu mới có chất lượng cao hơn, hay nói như một nhà khoa học Liên-xô: « Những thành tựu trong việc nghiên cứu sự sống ở mức độ phân tử hiện nay, bản thân chúng là đang chuẩn bị để chuyển trọng tâm nghiên cứu lên bậc cao hơn của tế bào và cơ thể toàn bộ » (A.L. Cuaxanốp).

Hướng nghiên cứu mới đó tiêu biểu cho xu thế phát triển của i học thế giới, xu thế đó là do qui luật phát triển của i học quyết định. Vì vậy, việc vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu lịch sử i học là một vấn đề rất cần thiết. Điều kiện căn bản để giải quyết tốt vấn đề đó là cần có một quan niệm biện chứng về lịch sử i học hay nói cách khác là không nên tách rời lịch sử của mỗi nền i học, mà nên quan niệm lịch sử của đông i, của i học Hipocrat, của i học hiện đại và của i học tiên tiến của Liên-xô như một quá trình tiến từ thấp lên cao, theo con đường xoáy tròn ốc.

Đông i là nền i học xuất hiện sớm nhất trong lịch sử nhân loại, nó ra đời từ trong xã hội nguyên thủy. Bị chi phối bởi chủ nghĩa duy vật biện chứng tự phát của thời cổ đại Trung-quốc, đông i phát triển với tính chất một nền i học tổng hợp mà bản chất là nhất nguyên (nhất nguyên luận duy vật chủ nghĩa). Nó được xây dựng trên cơ sở quan niệm biện chứng: cơ thể thống nhất với hoàn cảnh, và quan niệm con người như một khối thống nhất giữa thể chất và tinh thần, có một sức chống bệnh tự nhiên (chính khí) và có khả năng thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài luôn luôn thay đổi.

I học Hipocrat ra đời ở thế kỉ thứ V trước công nguyên (sau đông i khoảng hai nghìn năm) vào thời kì quá độ từ công xã nguyên thủy chuyển sang chế độ nô lệ ở Hi-lạp. Bị chi phối bởi chủ nghĩa duy vật biện chứng tự phát của các nhà biện chứng cổ Hi-lạp, nó phát triển với tính chất là một nền i học tổng hợp mà bản chất là nhất nguyên. Vì, cũng như đông i, nó quan niệm con người như một « vũ trụ nhỏ nằm trong vũ trụ lớn » một khối thống nhất giữa tinh thần và thể chất, có một sức chống bệnh tự nhiên (vis medicatrix) và có khả năng thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài.

I học hiện đại, như đã nói ở trên là sự kế tục truyền thống i học Hipocrat, ra đời ở thế kỉ XVI, vào thời đại Phục hưng. Bị chi phối bởi chủ nghĩa duy vật máy móc, nó phát triển với bản chất là một nền i học nhị nguyên (nhị nguyên luận) và với tính chất ngày càng đi sâu vào phân tích như Kêđrô, chủ tịch Viện hàn lâm Khoa học Liên-xô đã nói rõ: « Khoa học ngày càng đi sâu vào cơ cấu phân tử của tế bào, nghiên cứu các quá trình vật lí, hóa học cơ bản diễn ra trong tế bào và phát hiện những mối quan hệ giữa cơ cấu vật lí, hóa học của thành phần các nguyên tố trong tế bào và những cơ năng sinh vật học của chúng ».

Học thuyết Paplôp là học thuyết về hoạt động thần kinh cao cấp tiêu biểu cho nền i học tiên tiến của Liên-xô, ra đời vào thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô—nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng của các nhà cách mạng dân chủ Nga thế kỉ XIX, nó phát triển với bản chất là một học thuyết nhất nguyên và theo tính chất một học thuyết tổng hợp, như Bicôp đã nói rõ : « Học thuyết Paplôp là học thuyết về sự tiến triển của những quá trình sống trong một cơ thể nguyên vẹn, trong những quan hệ tự nhiên có nhiều thể khác nhau của nó với môi trường bao quanh nó ».

Qua sự phát triển của i học nói trên, một điểm nổi bật đáng chú ý là tuy có nhiều nền i học khác nhau nhưng chung qui chỉ có hai tính chất đối lập : tổng hợp và phân tích ; và chỉ có hai bản chất khác nhau : nhất nguyên và nhị nguyên. I học hiện đại là một nền i học mang tính chất phân tích mà bản chất là nhị nguyên, cho nên càng phát triển nó càng mâu thuẫn sâu sắc với đồng i, với i học Hipocrat và với học thuyết Paplôp là những nền i học có tính chất tổng hợp mà bản chất là nhất nguyên. Mâu thuẫn đó gây nên tình hình căng thẳng hiện nay trong i học thế giới với những xung đột ngày càng gay gắt.

Trong quá trình phát triển đó còn nổi bật một điểm nữa là i học di chuyển từ tổng hợp (đồng i và i học Hipocrat) qua phân tích (i học hiện đại) rồi từ phân tích trở về với tổng hợp (học thuyết Paplôp), để tiến lên một trình độ cao hơn : vừa phân tích vừa tổng hợp. Đó là qui luật phát triển của i học đã được giáo sư Laignel Lavastine nêu rõ trong cuốn lịch sử i học thế giới : « Tổng hợp và phân tích là hai cực đối lập của di chuyển qua lại của tư tưởng i học ».

Nếu vận dụng qui luật phủ định của phủ định vào lịch sử phát triển của i học thì có thể chia nó làm ba giai đoạn phát triển có tính chất khác nhau : giai đoạn đầu tiên (chính đề) là giai đoạn đánh dấu bằng một quan điểm chất phác nhưng căn bản là biện chứng, coi cơ thể là một thể thống nhất hoàn chỉnh (đồng i và i học Hipocrat) ; giai đoạn thứ hai phủ định (phản đề) giai đoạn đầu tiên, nó đi sâu vào phân tích để giải thích những chi tiết về cơ thể và bệnh, cần thiết cho sự phát triển của i học (i học hiện đại). Nhưng đến lượt nó, giai đoạn thứ hai bị phủ định bởi giai đoạn thứ ba, đánh dấu bởi sự ra đời của học thuyết Paplôp là học thuyết đang phục

hồi lại quan niệm i học cổ đại về tính hoàn chỉnh của cơ thể trong một tổng hợp cao hơn, trên một cơ sở mới về chất lượng.

Tuy nhiên, học thuyết Paplôp chưa phải là bước phát triển cao nhất của giai đoạn thứ ba (hợp đề), vì hai lí do chủ yếu. Một là, về mặt triết học, học thuyết Paplôp chịu ảnh hưởng triết học của các nhà cách mạng dân chủ Nga là những nhà cách mạng chưa phải triệt để, vì họ không bước từ chủ nghĩa xã hội không tưởng sang chủ nghĩa xã hội khoa học được. Hai là, với học thuyết Paplôp, quá trình phát triển của i học chưa hoàn thành con đường vòng tròn ốc của nó, do đó học thuyết Paplôp mới phát hiện kiến trúc thượng tầng (vỏ não) của cơ thể mà chưa nhìn thấy cơ sở hạ tầng của nó. Nếu vận dụng vào đây hình ảnh mà Lênin đã phác họa về chủ nghĩa cộng sản thì có thể ví học thuyết Paplôp như « chính quyền xô-viết », nó còn thiếu một bộ phận quan trọng khác : « điện khí hóa toàn quốc ». Vì vậy, học thuyết Paplôp đang làm nhiệm vụ cái cầu nối liền i học hiện đại với i học cổ truyền để đưa i học trở về với tự nhiên.

Nếu ví tự nhiên như đất thì có thể ví đồng i như một gốc cây mà rễ đã ăn sâu vào đất, vì nó là nền i học đầu tiên đi sâu vào biện chứng của tự nhiên. I học Hipocrat cũng đi vào biện chứng của tự nhiên nhưng không sâu bằng đồng i, cho nên có thể ví như một thân cây. Tây i ngày càng xa tự nhiên và ngày càng đi sâu vào chi tiết cho nên có thể ví với một ngọn cây. Với học thuyết Paplôp, ngược lại, i học đang từ ngọn trở về gốc, tức là trở về với i học cổ truyền mà tiêu biểu là đồng i. Chính vì lẽ đó mà « Có những nền i học hình như nhìn về phía sau, quay trở về với quá khứ, nhưng thật ra, tuy là những biện chứng, là ở hàng đầu trên chiều hướng đi lên của i học » (J. Choain : « I đạo Trung-quốc », Voie rationnelle de la médecine chinoise).

Điều đó giúp cho ta hiểu rõ tại sao đồng i và phong trào tân i học Hipocrat đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới. Nó cũng giúp cho ta thấy rõ xu thế i học thế giới là đang tiến tới giai đoạn thứ ba đã nói ở trên (hợp đề) tức là giai đoạn kết hợp tất yếu giữa i học cổ truyền và i học hiện đại, hay nói cách khác là kết hợp đồng i và tây i (bao gồm i học Hipocrat, i học hiện đại và i học tiên tiến của Liên-xô) trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng và khoa học hiện đại.

Như vậy, bàn về phương hướng xây dựng một nền i học mới của Việt-nam không phải gì khác, là trên cơ sở giải quyết vấn đề quan hệ i học giữa đồng i và tây i và vấn đề quan

hệ triết học giữa khoa học xã hội và khoa học i học, chứng minh và làm sáng tỏ đường lối kết hợp đông i và tây i của Đảng ta, đường lối không những thích hợp với điều kiện của nước ta mà còn phù hợp với xu thế phát triển của i học thế giới.

Tuy nhiên, đối với chúng ta, chỉ xác định phương hướng thì chưa đủ, mà còn phải tìm ra « con đường tốt nhất và độc đáo » để xây dựng một nền i học mới của Việt-nam. Vấn đề sẽ được đề cập trong bài tới: « Đề tiến tới một nền i học mới của Việt-nam ».

MỞ RỘNG VIỆC ĐÀO TẠO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN MẠNH — HỒ SĨ PHẤN

Trong những năm qua, với sự cố gắng của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, chúng ta đã xây dựng và đào tạo được một đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học, kĩ thuật và cán bộ quản lí kinh tế nông nghiệp, tuy so với yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện nay thì vẫn thiếu về số lượng và chất lượng, nhất là cán bộ quản lí kinh tế. So với số cán bộ khoa học và kĩ thuật thì số cán bộ quản lí kinh tế — đến năm 1970 — ở bậc trên đại học chỉ có 13%, ở bậc đại học 15%, ở bậc trung học 7%. Trong khi ấy việc sử dụng chưa được đi sâu vào nghề nghiệp theo nội dung đào tạo. Rõ ràng, việc

đào tạo cán bộ nông nghiệp đã *mất cân đối nghiêm trọng giữa các ngành khoa học kĩ thuật, quản lí kinh tế và nghiệp vụ quản lí kinh tế*. Nhu cầu của các hợp tác xã và nông trường quốc doanh về cán bộ quản lí kinh tế và nghiệp vụ quản lí rất lớn, nhưng cho đến nay việc mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo các loại cán bộ này còn nhiều khó khăn. Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin nêu lên đề trao đổi một số suy nghĩ về việc thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 19 và lần thứ 20 của Ban chấp hành trung ương Đảng về vấn đề chuyển mạnh từ hành chính cung cấp sang quản lí kinh tế.

Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế và nghiệp vụ quản lí kinh tế là một yêu cầu khách quan của việc tổ chức lại sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập

Nông nghiệp là một trong những ngành phức tạp nhất. Ở đây, lao động của con người được hướng vào việc sử dụng một cách có i thức lực lượng của thiên nhiên. Cho nên, muốn tiến hành sản xuất hợp lí, cần phải hiểu biết và sử dụng không những các qui luật phát triển của thiên nhiên mà cả những qui luật phát triển kinh tế của xã hội. Nông

nghiệp miền Bắc xã hội chủ nghĩa có hai hình thức xí nghiệp cơ bản trực tiếp thực hiện quá trình sản xuất để làm ra các sản phẩm nông nghiệp: các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các nông trường quốc doanh (các đội, trạm máy kéo là xí nghiệp phục vụ). Yêu cầu sản xuất nông nghiệp để làm cơ sở phát triển công nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu của